TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 211/2025/HS-PT
Ngày: 17/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Huy Đức**

Ông **Phạm Văn Hợp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm trực tiếp công khai vụ án hình sự thụ lý 77/2025/TLPT-HS ngày 13 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Lê Văn K về tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- *Bị cáo bị kháng cáo:*

Lê Văn K, sinh ngày 26/6/1983, tại: huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Cha tên Lê Minh H (sinh năm:1960), mẹ: Trương Thị T (sinh năm: 1963); Vợ tên Lê Thị H1, sinh năm: 1988 (đã ly hôn), có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/01/2018, bị Cơ quan Công an huyện Đ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi tàng trữ pháo nổ trái phép. Ngày 18/01/2018 đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2023 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Phạm Ngọc Q – Công ty L, Đoàn Luật sư tỉnh G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn K là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV A, địa chỉ trụ sở

tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, công ty hoạt động trong lĩnh vực buôn bán nông lâm sản. Vì muốn có tiền để kinh doanh, buôn bán, thu mua hàng chanh dây chế biến thành phẩm xuất khẩu sang Trung Quốc nên Lê Văn K đã nảy sinh ý định lên mạng xã hội đặt mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt Giấy CNQSDĐ) giả có thông tin giống với các Giấy CNQSDĐ thật mà K đang thế chấp vay vốn tại các ngân hàng nhằm mục đích sử dụng thế chấp làm người khác tin tưởng cho vay tiền. K khai nhận đã lên mạng xã hội tìm hiểu và quen một người sử dụng tài khoản tên "Nguyễn Minh T1" có khả năng làm được Giấy CNQSDĐ giả nên đã thỏa thuận đặt mua với giá 10.000.000 đồng/01 Giấy CNQSDĐ giả. K chụp hình ảnh các Giấy CNQSDĐ thật mà K đang có cho đối tượng "Nguyễn Minh T1" để thực hiện việc làm giả và thỏa thuận sau khi K nhận được Giấy CNQSDĐ giả từ người giao hàng thì sẽ trả tiền cho đối tượng "Nguyễn Minh T1" thông qua người giao hàng. Tổng cộng Lê Văn K đã đặt đối tượng "Nguyễn Minh T1" làm 09 Giấy CNQSDĐ giả, gồm:

- 04 Giấy CNQSDĐ giả số BH 971623, thửa đất số 6, tờ bản đồ số 27, địa chỉ đất tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Trần Cao N và bà Vũ Thị N1 (đã chuyển nhượng cho Lê Văn K ngày 19/8/2022);
- 01 Giấy CNQSDĐ giả số BU 198182, thửa đất số 284, tờ bản đồ số 32 địa chỉ tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Lê Doãn T2 và bà Lê Thị N2 ngày 20/8/2014 (đã chuyển nhượng cho Lê Văn K ngày 11/7/2022);
- 01 Giấy CNQSDĐ giả số CQ 690353, thửa đất số 210, tờ bản đồ số 16, địa chỉ tại thôn H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp cho Lê Văn K ngày 22/4/2019;
- 01 Giấy CNQSDĐ giả số BP 104159, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 187, 197, địa chỉ tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho Lê Văn K ngày 23/12/2013;
- 01 Giấy CNQSDĐ giả số BP 104159, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 187, 197, địa chỉ tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho Lê Văn T3 ngày 15/6/2021;
- 01 Giấy CNQSDĐ giả số BG380925, thửa đất số 29, tờ bản đồ số 20, địa chỉ tại làng B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai do Sở T cấp cho Lê Văn T3 ngày 15/6/2021.

Sau khi nhận được 09 Giấy CNQSDĐ giả trên, Lê Văn K đã sử dụng để thế chấp vay tiền của 05 cá nhân gồm Lại Văn S, Trương Thị Thùy D, Trần Thị N3, Trần Minh H2 và Phan Đình T4 rồi chiếm đoạt với tổng số tiền là 5.505.963.000 đồng, cụ thể như sau.

1. Chiếm đoạt của anh** Lại Văn S **số tiền 1.050.000.000 đồng:

Anh Lại Văn S làm nghề thi công công trình điện gió tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Khoảng đầu tháng 02/2020, anh S đến ở tại thôn T, xã T, huyện Đ thì có quen biết với Nguyễn Phi K1 *(em vợ của K)*, thông qua K1 nên anh S quen với Lê Văn K. K giới thiệu với anh S hiện K đang là Giám đốc Công ty TNHH A hoạt động kinh doanh thu mua hàng nông sản để xuất khẩu sang Trung Quốc. Ngày

26/8/2022, K đã nhờ Nguyễn Phi K1 gọi điện thoại nói với anh S về việc K đang cần vay tiền để thu mua hàng chanh dây xuất khẩu sang Trung Quốc, hỏi vay số tiền 950.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 20 ngày, anh S đồng ý cho K vay với điều kiện K phải viết giấy mượn tiền và phải có tài sản đảm bảo để cam kết trả nợ. K đã sử dụng 01 Giấy CNQSDĐ giả số BP 104159 đưa cho Nguyễn Phi K1 giữ giúp theo yêu cầu của anh S để anh S tin tưởng cho vay tiền. Sau khi K viết giấy vay tiền xong, anh S đã sử dụng tài khoản ngân hàng số 32110000158980 chuyển khoản bằng Smartbanking đến tài khoản ngân hàng số 47198888888 của Nguyễn Phi K1 và nói K1 đưa số tiền trên cho K. Nguyễn Phi K1 đến Ngân hàng S1 chi nhánh G phòng G1 rút hết số tiền trên rồi đưa bằng tiền mặt cho K.

Khoảng cuối tháng 8/2022, K tiếp tục đưa ra thông tin cần vay thêm số tiền là 100.000.000 đồng để thu mua hàng chanh dây vì ở Trung Quốc đang cần nhập số lượng hàng nhiều nên anh S tin tưởng đồng ý cho vay. K cam kết sau khi mượn số tiền 100.000.000 đồng thì 03 ngày sau K sẽ trả hết số tiền vay cho anh S. Số tiền 100.000.000 đồng này anh S đã đưa bằng tiền mặt cho K. Đến thời hạn trả nợ, K đưa ra nhiều lý do không thực hiện đúng cam kết. Khoảng đầu tháng 3/2023, anh S yêu cầu K viết lại giấy mượn tiền với nội dung: K có vay của anh Lại Văn S với tổng số tiền là 1.050.000.000 đồng, trong quá trình vay có để một bìa đỏ mang tên Lê Văn T3, số bìa BP 104159 để làm tin, thời hạn trả nợ đến tháng 10/2023. Sau đó, anh S đã nhiều lần liên lạc với K để đòi tiền nhưng không được và nghi ngờ Giấy CNQSDĐ mà K thế chấp là giả nên đã làm đơn tố giác Lê Văn K.

2. Chiếm đoạt của bà** Trần Thị N3 **số tiền là 2.522.963.000 đồng:

Bà Trần Thị N3 làm nghề kinh doanh buôn bán thu mua hàng chanh dây trên địa bàn huyện C, tỉnh Gia Lai và bán lại cho Công ty TNHH MTV A của Lê Văn K. Quá trình mua bán hàng, K có nợ tiền của bà N3. Đến ngày 06/2/2021 bà N3 đến nhà của K tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai đòi nợ. Để tạo sự tin tưởng, K đã đưa cho bà N3 01 Giấy CNQSDĐ giả số CQ 690353 để xin kéo dài thời hạn trả nợ và để tạo niềm tin cho bà N3 tiếp tục bán hàng và cho K nợ tiền hàng. Trong khoảng thời gian này, bà N3 tiếp tục nhiều lần bán hàng cho công ty của K và cho K nợ tiền với tổng số tiền nợ tính đến ngày 10/02/2023 là 1.772.963.000 đồng.

Ngoài số tiền nợ trên, vào ngày 09/10/2022, K có đặt vấn đề vay của bà N3 số tiền 300.000.000 đồng để kinh doanh mua bán hàng chanh dây và thế chấp cho bà N3 01 Giấy CNQSDĐ giả số BU 198182. Tin tưởng thông tin và Giấy CNQSDĐ mà K thế chấp là thật nên bà N3 đã đồng ý cho vay. Số tiền vay này K đã thỏa thuận với bà N3 về việc sau khi ký giấy vay tiền bà N3 không đưa tiền cho K vay mà sẽ dùng số tiền này đi mua hàng chanh dây rồi giao lại cho công ty của K.

Ngày 20/10/2022, với thủ đoạn như lần vay trước, K tiếp tục đặt vấn đề vay của bà N3 số tiền 450.000.000 đồng, thời hạn trả nợ đến ngày 15/11/2022 và thế chấp cho bà N3 01 Giấy CNQSDĐ giả số BH 971623 để đảm bảo. Tin tưởng thông tin K đưa ra cũng như Giấy CNQSDĐ là thật nên bà N3 đồng ý. Do không có tiền nên bà N3 đã vay của ông Đặng Văn T5 để cho K vay lại. Sau khi vay được tiền, bà N3 đã chuyển số tiền 250.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng số 100802260683 của K, số tiền 200.000.000 đồng còn lại, bà N3 đã giữ lại để mua

hàng chanh dây và giao đầy đủ cho công ty của K.

Tổng số tiền K nhận của bà N3 là 2.522.963.000 đồng. Đến thời hạn trả tiền, bà N3 nhiều lần đòi tiền thì Lê Văn K đã viết giấy cam kết với nội dung: Đến ngày 20/3/2023 sẽ trả toàn bộ số tiền trên cho bà N3, nếu đến thời hạn mà K không trả được sẽ chuyển nhượng các Giấy CNQSDĐ đã thế chấp cho bà N3. Đến đầu tháng 4/2023, khi bà N3 tiếp tục đòi tiền thì K mới nói cho bà N3 biết các Giấy CNQSDĐ nêu trên là giả nên bà N3 làm đơn tố giác hành vi của Lê Văn K.

3. Chiếm đoạt của bà** Trương Thị Thùy D **số tiền là 1.180.000.000 đồng:

Lợi dụng mối quan hệ mua bán hàng chanh dây với nhau từ trước, vào ngày 17/5/2022, Lê Văn K đã đặt vấn đề vay của bà Trương Thị Thùy D số tiền là 460.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích kinh doanh, buôn bán, thời hạn trả nợ là 15 ngày, lãi suất thỏa thuận là 1.000đ/1.000.000đ/01 ngày và thế chấp 01 Giấy CNQSDĐ giả số BP 104159 để đảm bảo. Tin tưởng thông tin K đưa ra cũng như Giấy CNQSDĐ mà K thế chấp là thật nên bà D đồng ý cho vay. Sau đó, K đã viết giấy mượn tiền và nhận tiền của bà D bằng tiền mặt. Khi đến thời hạn trả tiền, do không có tiền trả nên K đã nói với bà D về việc sẽ đóng tiền lãi và xin tiếp tục nợ lại tiền gốc thì bà D đồng ý.

Ngày 20/10/2022, K tiếp tục đặt vấn đề vay của bà D số tiền là 500.000.000 đồng để kinh doanh, buôn bán, lãi suất thỏa thuận như lần vay trước, thời hạn trả nợ là 30 ngày và thế chấp 01 Giấy CNQSDĐ giả số BH 971623 để đảm bảo. Do khoản vay trước K đều đóng tiền lãi đầy đủ và tin tưởng Giấy CNQSDĐ mà K thế chấp là thật nên bà D đồng ý cho vay. Lúc này, bà D yêu cầu K phải ký hợp đồng công chứng mượn tiền nên bà D cùng với Lê Văn K và Lê Thị H1 (vợ của K) đến văn phòng C Nguyễn Văn T6 tại thị trấn Đ, huyện Đ để ký công chứng hợp đồng mượn tiền. Theo quy định trong hợp đồng mượn tiền không được ghi thế chấp Giấy CNQSDĐ vào trong hợp đồng nên sau khi ký công chứng hợp đồng xong bà D yêu cầu K phải ghi thêm một giấy mượn tiền. K đã viết giấy mượn tiền đề ngày 20/10/2022 với nội dung: K vay của bà D số tiền 500.000.000 đồng và thế chấp bìa đỏ số BH971623 mang tên Lê Văn K. Sau đó, bà D đã đưa 500.000.000 đồng tiền mặt cho K.

Đến ngày 12/01/2023, K tiếp tục đưa ra thông tin gian dối cần vay của bà D số tiền là 220.000.000 đồng để đáo hạn tại Ngân hàng H5, chi nhánh Đ, lãi suất thỏa thuận như hai lần vay trước, thời hạn trả nợ là 02 ngày nên bà D đồng ý. Sau khi K viết giấy mượn tiền, bà D đã chuyển số tiền trên vào tài khoản số 100802260683 của Lê Văn K. Nhận tiền, K đã chuyển số tiền này đến tài khoản ngân hàng số 271704070001298 của Lê Văn H3 để trả nợ.

Đến thời hạn trả tiền, bà D đã nhiều lần đòi tiền nhưng K không thực hiện việc được việc trả tiền cho bà D. Đến khoảng tháng 4/2023, K gọi điện thoại nói cho bà D biết 02 Giấy CNQSDĐ mà K thế chấp vay tiền là giả nên bà D đã làm đơn tố giác hành vi của Lê Văn K.

4. Chiếm đoạt của anh** Trần Minh H2 **số tiền 153.000.000 đồng:

Anh Trần Minh H2 làm nghề mua bán xe ô tô cũ, thông qua mối quan hệ xã hội, anh H2 và Lê Văn K có quen biết với nhau vào khoảng tháng 6/2022. Vào ngày 11/10/2022, tại thôn H, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai, K hỏi anh H2 vay số tiền 230.000.000 đồng để kinh doanh buôn bán, thu mua hàng chanh dây,

lãi suất thỏa thuận là 2.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thời hạn trả nợ là 30 ngày thì anh H2 đồng ý cho vay với điều kiện phải có tài sản để đảm bảo cho việc trả nợ. K đã thế chấp cho anh H2 01 xe ô tải nhãn hiệu ISUZU, loại 2,5 tấn, biển kiểm soát 81H – 009.16 và 01 Giấy CNQSDĐ thật (thửa đất tại thôn T, xã T, huyện Đ, anh H2 và K không nhớ thông tin chi tiết). Anh H4 đã đưa 230.000.000 đồng tiền mặt cho K vay. Đến thời hạn trả nợ tiền vay, K tiếp tục đặt vấn đề vay thêm số tiền 100.000.000 đồng thì anh H4 đồng ý cho vay. Hai bên thỏa thuận, tiền lãi của khoản vay trước là 17.000.000 đồng nên K đã viết giấy mượn tiền với tổng số tiền là 347.000.000 đồng.

Khoảng đầu tháng 12/2022, K tiếp tục đặt vấn đề vay thêm tiền để làm ăn và muốn lấy xe ô tô ra để chở hàng nhưng do số tiền K cần vay lớn hơn tài sản mà K đang thế chấp cho anh H4 trước đó (01 xe ô tô và 01 Giấy CNQSDĐ) nên anh H4 yêu cầu K phải có tài sản thế chấp thì anh H4 mới đồng ý cho vay. Lúc này, Lê Văn K đã nảy sinh ý định đặt làm Giấy CNQSDĐ giả để thế chấp vay thêm tiền của ông H4 nên đã liên hệ với đối tượng "Nguyễn Minh T1" để cung cấp thông tin cá nhân và hình ảnh Giấy CNQSDĐ số BH 971623 (đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng B1) để đặt làm giả Giấy CNQSDĐ này với số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi nhận được 01 Giấy CNQSDĐ giả số BH 971623, K mang đến nhà anh Trần Minh H2 để thế chấp vay thêm tiền thì anh H2 đã yêu cầu K ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh H2 thì mới đồng ý cho vay số tiền 153.000.000 đồng.

Ngày 06/12/2022, K và Lê Thị H1 (vợ K) cùng anh H2 đến Văn phòng C, địa chỉ tại B L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai ký hợp đồng công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Giấy CNQSDĐ giả số BH 971623 trên. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng, anh H2 đã chuyển vào số tài khoản 100802260683 của K tổng số tiền 153.000.000 đồng để cho vay (cụ thể ngày 06/12/2022 chuyển số tiền 73.000.000 đồng, ngày 07/12/2022 chuyển số tiền 50.000.000 đồng, ngày 10/12/2022 chuyển số tiền 30.000.000 đồng) và trả lại tài sản thế chấp trước đó.

Ngày 27/02/2023, anh H2 đến chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Hợp đồng chuyển nhượng trước đó thì Văn phòng Đ chi nhánh huyện Đ phát hiện Giấy CNQSDĐ số BH 971623 có dấu hiệu nghi vấn là giả nên đã chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ. Đồng thời, anh Trần Minh H2 cũng làm đơn tố giác hành vi của Lê Văn K.

5. Chiếm đoạt của anh** Phan Đình T4 **số tiền 600.000.000 đồng:

Anh Phan Đình T4 làm thợ cửa sắt trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Thông qua mối quan hệ xã hội, anh T4 quen biết với Lê Văn K và được K giới thiệu là Giám đốc Công ty TNHH MTV A, địa chỉ tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, hoạt động trong lĩnh vực thu mua chanh dây, chế biến thành phẩm xuất khẩu sang Trung Quốc. Quá trình quen biết, Lê Văn K đưa ra thông tin công ty của K đang gặp khó khăn về tài chính, cần tiền để thu mua hàng chanh dây xuất khẩu sang Trung Quốc nên đặt vấn đề vay của anh T4 với số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày và K sẽ thế chấp cho anh T4 02 Giấy CNQSDĐ để đảm bảo. Tin tưởng thông tin do K đưa ra là thật nên anh T4 đồng ý cho vay. Ngày 19/02/2023,

K đến nhà anh T4 tại tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai viết giấy vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn trả nợ 30 ngày và đưa 02 Giấy CNQSDĐ giả số BG 380925 và số BH 971623 cho anh T4 để thế chấp vay tiền. Do không biết 02 Giấy CNQSDĐ mà K thế chấp là giả nên anh T4 đã cho K vay số tiền 600.000.000 đồng bằng hình thức tiền mặt. Đến thời hạn trả nợ, anh T4 nhiều lần yêu cầu K trả tiền thì K đã trả 250.000.000 đồng tiền mặt cho anh T4 và nợ lại số tiền 350.000.000 đồng. Khoảng cuối tháng 3/2023, K gọi điện thoại nói cho anh T4 biết 02 Giấy CNQSDĐ mà K thế chấp cho anh T4 là giả và hứa hẹn sẽ trả nợ cho anh T4. Ngày 02/5/2023, anh T4 đã làm đơn tố giác hành vi của Lê Văn K.

Như vậy, Lê Văn K đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối là K có các Giấy CNQSDĐ để thế chấp vay tiền kinh doanh mua bán chanh dây làm cho các cá nhân Lại Văn S, Trương Thị Thùy D, Trần Thị N3, Trần Minh H2 và Phan Đình T4 tin tưởng đồng ý cho vay. Sau đó, K đã sử dụng 09 Giấy CNQSDĐ giả do K đặt mua trên mạng xã hội để đưa cho các bị hại này để các bị hại tin tưởng chuyển tiền cho K và bị K chiếm đoạt tổng số tiền là 5.505.963.000 đồng. Trong đó chiếm đoạt của anh Lại Văn S số tiền 1.050.000.000 đồng, chiếm đoạt của bà Trần Thị N3 số tiền 2.522.963.000 đồng, chiếm đoạt của bà Trương Thị Thùy D số tiền 1.180.000.000 đồng, chiếm đoạt của anh Trần Minh H2 số tiền 153.000.000 đồng và chiếm đoạt của anh Phan Đình T4 số tiền 600.000.000 đồng.

**** Vật chứng:***

- Anh Lại Văn S giao nộp: 01 giấy mượn tiền ngày 26/8/2022; 01 Giấy CNQSDĐ số BP 104159, cấp ngày 15/6/2021 mang tên Lê Văn T3.

- Bà Trần Thị N3 giao nộp: 01 phiếu thu mua chanh dây ngày 10/02/2023; 01 giấy mượn tiền ngày 20/10/2022; 01 giấy ủy quyền bìa đỏ ngày 09/10/2022; 01 Giấy CNQSDĐ số BH 971623 cấp ngày 06/3/2012; 01 Giấy CNQSDĐ số BU 198182 cấp ngày 20/8/2014; 01 Giấy CNQSDĐ số CQ 690353 ngày 22/4/2019.

- Bà Trương Thị Thùy D giao nộp: 03 giấy mượn tiền đề các ngày 17/5/2022, 20/10/2022, 12/01/2023; 01 hợp đồng mượn tiền đề ngày 20/10/2022; 01 Giấy CNQSDĐ số BH 971623 cấp ngày 06/3/2012; 01 Giấy CNQSDĐ số BP 104159, cấp ngày 23/12/2013.

- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ giao nộp 01 Giấy CNQSDĐ số BH 971623 cấp ngày 06/3/2012.

- Anh Phan Đình T4 giao nộp: 01 giấy mượn tiền đề ngày 19/02/2023; 01 Giấy CNQSDĐ số BG 380925 cấp ngày 15/6/2021; 01 Giấy CNQSDĐ số BH 971623 cấp ngày 06/3/2012.

Tại các Kết luận giám định số 589/KL-KTHS ngày 13/7/2023, số 666/KL-KTHS ngày 09/8/2023, số 452/KL-KTHS ngày 18/5/2023 và số 505/KL-KTHS ngày 31/5/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh G kết luận:

- 09 Giấy CNQSDĐ (gồm 04 Giấy CNQSDĐ số BH 971623, 01 Giấy CNQSDĐ số BU 198182, 01 Giấy CNQSDĐ số CQ 690353, 02 Giấy CNQSDĐ số BP 104159, 01 Giấy CNQSDĐ số BG 380925) là giả.

- Chữ ký, chữ viết họ tên "Lê Văn K" trên các giấy mượn tiền ngày 26/8/2022, 20/10/2022, 17/5/2022, 20/10/2022, 12/01/2023, 19/02/2023, trên phiếu thu mua chanh dây ngày 10/02/2023 và giấy ủy quyền bìa đỏ ngày 09/10/2022 so với chữ ký, chữ viết của Lê Văn K trên các mẫu so sánh *do cùng*

một người ký và viết ra .

**** Về dân sự:*** Lê Văn K đã sử dụng tài sản để cấn trừ cho anh Lại Văn S số tiền 300.000.000 đồng, đã trả cho anh Phan Đình T4 số tiền 250.000.000 đồng. Số tiền còn lại K chưa bồi thường cho các bị hại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2025 và Thông báo sửa chữa bổ sung Bản án số 12/2025/TB-TA ngày 22/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn K phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*.

+ Áp dụng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn K **15 (Mười lăm)** năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*;

+ Áp dụng điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn K **04 (**B**)** năm tù về tội*"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*.

+ Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo Lê Văn K phải chấp hành **19 (mười chín**) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/5/2023.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần hình phạt và phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/01/2025, Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, xem xét ý kiến của Luật sư và quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo Lê Văn K thừa nhận hành vi và tội danh như Toà án cấp sơ thẩm xét xử là đúng, chỉ giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Lê Văn K phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền để kinh doanh và trả nợ cho các cá nhân khác nên K đã liên hệ qua mạng xã hội với đối tượng sử dụng tài khoản tên "Nguyễn Minh T1" (không rõ nhân thân lai lịch) để đặt làm giả 9 Giấy CNQSDĐ để thế chấp các bị hại vay tiền chiếm đoạt của ông Lại Văn S 1.050.000.000 đồng, của bà Trần Thị N3 2.522.963.000 đồng, của bà Trương Thị Thùy D 1.180.000.000 đồng, của anh Trần Minh H2 số tiền 153.000.000 đồng và

của anh Phan Đình T4 số tiền 600.000.000 đồng. Tổng số tiền 5.505.963.000 đồng.

Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Đây là vụ án bị cáo tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nhiều lần lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại đưa ra thông tin gian dối, chiếm đoạt của các bị hại với số tiền lớn, sử dụng trả nợ cho người khác và tiêu xài cá nhân, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an. Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của nhiều bị hại nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại để khắc phục hậu quả, được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ đó Toà án cấp sơ thẩm quyết định hình phạt đối với bị cáo là phù hợp. Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, chỉ có lời khai đã nộp án phí sơ thẩm theo Bản án sơ thẩm đã tuyên. Đây là nghĩa vụ mà bị cáo phải thi hành theo Bản án. Do vậy, Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm hình sự: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn K, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn K từ **15 (Mười lăm)** năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*;

+ Áp dụng điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn K từ **04 (**B**)** năm tù về tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*.

+ Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo Lê Văn K phải chấp hành **19 (mười chín**) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/5/2023.

Về án phí phúc thẩm hình sự:

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí,

lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Lê Văn K phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam CA tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Cường